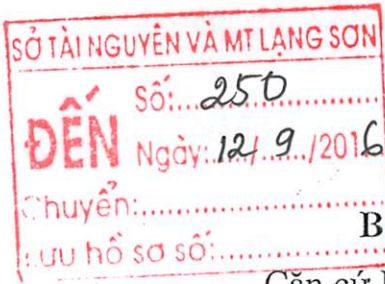


**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1790** /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày **08** tháng **8** năm 2016



**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020 và Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-HĐTLQG ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia về việc phê duyệt trữ lượng đá vôi trong “Báo cáo kết quả thăm dò đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại khu vực Đồng Tiến, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn”;

Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 04 tháng 09 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực mỏ đá vôi Đồng Tiến, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn”;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại Công văn số 1357/UBND-KTN ngày 21 tháng 12 năm 2014 về việc thỏa thuận khu vực khai thác mỏ đá vôi Đồng Tiến, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực mỏ đá Đồng Tiến, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn của Công ty cổ phần Xi măng Bắc Giang nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngày 23 tháng 10 năm 2014, bổ sung ngày 05 tháng 04 năm 2016.

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép *Công ty cổ phần Xi măng Bắc Giang* khai thác bằng phương pháp lộ thiên mỏ đá vôi tại khu vực Đồng Tiến, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

1. Diện tích khu vực khai thác: 16,18 ha (mười sáu phẩy mười tám hecta); thuộc tờ bản đồ số hiệu F-48-57-C tỷ lệ 1/50.000 (hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $6^0$ ) được giới hạn bởi các điểm khép góc có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác: đến mức + 40 m.

3. Khối trữ lượng khai thác: tại các khối trữ lượng cấp 121 và 122 đã được Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt.

4. Trữ lượng địa chất:

- Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 15.580.000 tấn;
- Đá làm vật liệu xây dựng đi kèm: 128.385 m<sup>3</sup>.

5. Trữ lượng khai thác:

- Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 12.164.449 tấn;
- Đá làm vật liệu xây dựng đi kèm: 87.257 m<sup>3</sup>.

6. Công suất khai thác: chi tiết công suất khai thác các năm được thể hiện theo Phụ lục 4 Giấy phép này.

7. Thời hạn Giấy phép khai thác: 30 năm, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm.

**Điều 2.** *Công ty cổ phần Xi măng Bắc Giang* có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giá trị và thời gian đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quy định tại Phụ lục 3 Giấy phép này.



3. Tiến hành hoạt động khai thác đá vôi theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm quy định tại Điều 1 và Phụ lục 4 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn để chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cấm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực mỏ đá vôi Đồng Tiến, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn” được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường; có các biện pháp bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm bảo đảm các nguồn gây ô nhiễm, toàn bộ chất thải ra môi trường theo quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ công nghiệp; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng đá vôi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến từ đá vôi phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và đúng theo quy định tại Phụ lục 4 Giấy phép này.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các quy định về đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

*Công ty cổ phần Xi măng Bắc Giang* chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác đá vôi sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn, Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn hồ sơ thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

*Nơi nhận:*

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HKKS miền Bắc;
- **Sở TN và MT tỉnh Lạng Sơn;**
- Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn;
- Công ty CP Xi măng Bắc Giang (02);
- Lưu: HS, VP, ĐCKS (MT.14).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

Giấy phép khai thác khoáng sản được đăng ký nhà nước  
tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam

Số đăng ký: **24-2016** / ĐK-KT.

Hà Nội, ngày **01** tháng **9** năm 2016

**KT, TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



*Lại Hồng Thanh*



**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI ĐỒNG TIỀN,  
XÃ ĐỒNG TIỀN, HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số **1790** /GP-BTNMT  
ngày **08** tháng **8** năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Số thứ tự	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 6°)	
		X (m)	Y (m)
1	1	2380 923	625 038
2	2	2380 923	625 551
3	3	2380 858	625 578
4	4	2380 770	625 578
5	5	2380 613	625 505
6	6	2380 603	625 455
7	7	2380 713	625 342
8	8	2380 552	625 198
9	9	2380 542	625 150
10	10	2380 586	625 038
<b>Diện tích: 16,18 ha</b>			



**TIẾN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (TẠM THU)***(Kèm theo Giấy phép khai thác số **1790** /GP-BTNMT**ngày **08** tháng **8** năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***Tổng số tiền phải nộp: 12.159.984.000 đồng***(Viết bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn)*

Lần nộp	Năm	Mức tạm thu (đồng)	Ghi chú
1	2016	810.666.000	
2	2017	810.666.000	
3	2018	810.666.000	
4	2019	810.666.000	
5	2020	810.666.000	
6	2021	810.666.000	
7	2022	810.666.000	
8	2023	810.666.000	
9	2024	810.666.000	
10	2025	810.666.000	
11	2026	810.666.000	
12	2027	810.666.000	
13	2028	810.666.000	
14	2029	810.666.000	
15	2030	810.660.000	

*Nhà*

**CÔNG SUẤT KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ CHẾ BIẾN,  
TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC**

(Kèm theo Giấy phép khai thác số **1790** /GP-BTNMT

ngày **01** tháng **8** năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Năm khai thác	Công suất khai thác		Sản phẩm sau chế biến	Địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm sau khai thác
		Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng (tấn/năm)	Đá làm vật liệu xây dựng đi kèm (m <sup>3</sup> /năm)		
1	Năm thứ 1 (Xây dựng cơ bản)	147.100		Xi măng và đá làm vật liệu xây dựng đi kèm.	- Cung cấp đá nguyên liệu cho Nhà máy xi măng Hương Sơn của Công ty. - Đá làm vật liệu xây dựng đi kèm tiêu thụ tại địa phương.
2	Năm thứ 2 đến năm thứ 3	420.000			
3	Năm thứ 4 đến năm thứ 16	420.000	2.253		
4	Năm thứ 17 đến năm thứ 20	420.000			
5	Năm thứ 21 đến năm thứ 29	420.000	6.070		
6	Năm thứ 30	257.349	3.338		
<b>Tổng</b>		<b>12.164.449</b>	<b>87.257</b>		